TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/DS-PT
Ngày 16/01/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*", do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3883/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Trần Chí T, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Chi ủy q cho ông Trần Chí T trình bày:

Từ năm 2020 đến năm 2022, bà C có tham gia chơi hụi với vai trò là hụi viên, do bà L làm chủ. Đến giữa năm 2022 bà L tuyên bố bể hụi, đồng thời ngừng tất cả các hoạt động giao dịch về hụi. Khi bà L tuyên bố bể hụi, bà L còn nợ bà tổng số tiền là 202.500.000 đồng, cụ thể gồm:

Phần mua hụi: Ngày 15/08/2021, bà C mua 01 dây hụi, số tiền 25.000.000 đồng, khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền là 25.000.000 đồng. Ngày 25/10/2021, bà C mua 03 dây hụi, tổng số tiền 72.000.000 đồng, khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền là 72.000.000 đồng. Ngày 30/12/2021, bà C mua 01 dây hụi, tổng số tiền 24.000.000 đồng, khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền là 24.000.000 đồng. Tất cả 03 lần mua hụi, bà L đều tự tay viết giấy mua hụi và ký tên. Tổng cộng 03 dây hụi mua bà L còn nợ bà là 121.000.000 đồng.

Phần tham gia chơi hụi do bà L làm chủ như sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/3/2021, gồm 21 hụi viên, bà C tham gia chơi 01 phần, đóng được 15 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà phần hụi chết là 15 phần 7.500.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/4/2021, gồm 21 hụi viên, bà C tham gia chơi 01 phần, đóng được 14 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền 14 phần hụi chết là 14.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 05/06/2021, gồm 20 hụi viên, bà C tham gia chơi 01 phần, đóng được 13 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền 13 phần hụi chết là 13.000.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 30/6/2021, gồm 21 hụi viên, bà tham gia chơi 01 phần, đóng được 13 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền 13 phần hụi chết là: 13.000.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/8/2021, gồm 25 hụi viên, bà tham gia chơi 02 phần, đóng được 10 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền hụi chết 02 phần là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 25/10/2021, gồm 24 hụi viên, bà tham gia chơi 01 phần, đóng được 08 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền 08 phần hụi chết là 8.000.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 30/12/2021, gồm 20 hụi viên, bà tham gia chơi 01 phần, đóng được 06 tháng. Khi bể hụi bà L còn nợ bà số tiền 06 phần hụi chết là 6.000.000 đồng.

Tổng cộng 07 dây hụi, bà L còn nợ bà C số tiền là 81.500.000 đồng.

Như vậy cả phần hụi mua và phần hụi chơi bà L còn nợ bà là 202.500.000 đồng. Bà C yêu cầu bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 là chồng bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 202.500.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/06/2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim C. Bà thừa nhận còn nợ bà C số tiền hụi là 202.500.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà C số tiền trên nhưng đây là phần nợ của cá nhân bà L, không có liên quan đến ông T1 chồng của bà, đồng thời bà xin trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng.

Bà và ông T1 sống chung và cưới nhau vào khoản năm 1986, vợ chồng có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 1986, tuy nhiên đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn, bà làm hụi để lo kinh tế gia đình chứ không có bài bạc hay tiêu xài cá nhân. Ông T1 không có tham gia cùng với bà làm chủ hụi nhưng có biết bà làm chủ hụi. Số tiền nợ nêu trên bà tự gây nợ nên bà không đồng ý liên đới cùng ông T1 trả số nợ nêu trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/06/2023 và trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về số tiền nợ hụi hay vay giữa bà L và bà C ông không rõ, ông cũng có thấy vợ ông làm chủ hụi nhưng ông không có tham gia vào, bà L nợ tiền ai, số tiền nợ bao nhiêu ông cũng không biết. Ông và bà L sống chung mấy chục năm, cưới nhau vào khoản năm 1986 và có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 1986. Đến năm 2002 ông và bà L mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Ông đi làm thuê, việc chơi hụi là do bà L tham gia chứ ông không tham gia vào, nhưng có biết bà L làm chủ hụi. Hiện tại ông vẫn sống chung nhà với bà L. Qua yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông không đồng ý cùng với bà L có trách nhiệm liên đới trả số nợ cho bà C.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Bđã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

2. Buộc bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền hụi là 202.500.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/8/2023 bị đơn bà Hồ Thị L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện B để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được trả dần số tiền 202.500.000 đồng, cụ thể: mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Hồ Thị L giữ nguyên quan điểm kháng cáo là yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà L, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn Hồ Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hồ Thị L trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị L về việc xin trả dần số nợ:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 202.500.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà C là 202.500.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cho bà C, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 28/06/2002 nên hôn nhân của bà L và ông T1 là hôn nhân hợp pháp và hiện nay ông T1, bà L vẫn đang sống chung với nhau, đồng thời bà L trình bày mục đích của việc chơi hụi là trang trải cuộc sống chung gia đình và ông T1 có biết bà L là chủ hụi nhưng không biết tiền nợ hụi bao nhiêu, do đó ông T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ cho bà C là đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Bà L yêu cầu được trả dần số nợ mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy: Khi bà L và bà C thoả thuận việc góp hụi thì các bên không có thoả thuận về việc trả dần số tiền hụi, tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bà C không đồng ý việc bà L trả nợ dần số tiền 202.500.000 đồng. Mặt khác, về thời gian và cách thức trả nợ được thực hiện ở cơ quan thi hành án. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L không có cơ sở để chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc trả nợ dần của bà L, buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 202.500.000 đồng là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị L.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2023/DS-

ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre., Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

2. Buộc bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền hụi là 202.500.000 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới chịu án phí là 10.125.000 đồng (Mười triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.175.000 đồng (Bảy triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004869 ngày 05 tháng 05 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị L phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007481 ngày 09/8/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Đạt